

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại
Trung tâm y tế thị xã Nghi Sơn năm 2023 - 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; Nghị định số
155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy
định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước
của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết cung cấp, đăng tải thông tin về
đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm
nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc vũ
trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị -
xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội -
nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 sửa đổi,
bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y
tế quy định về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số
15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc
đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng
hình thức đàm phán giá; Thông tư số 15/2021/TT-BYT ngày 24/09/2021 của Bộ*

trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/03/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc: Ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm y tế thị xã Nghi Sơn tại Tờ trình số 755/TTr-TTYT ngày 26/7/2023; kèm theo Báo cáo thẩm định số 3783/BC-SYT ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Sở Y tế về Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm y tế thị xã Nghi Sơn năm 2023 – 2024 và hồ sơ có liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm y tế thị xã Nghi Sơn, năm 2023 - 2024, gồm những nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm y tế thị xã Nghi Sơn, năm 2023 - 2024.
2. Giá gói thầu: 3.909.788.250 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ, chín trăm lẻ chín triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng*). Theo từng phần của gói thầu; chi tiết tại phụ lục kèm theo.
3. Nguồn vốn: Từ nguồn thu dịch vụ của Trung tâm Y tế thị xã Nghi Sơn.
4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi (trong nước qua mạng).
5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III-IV/2023.
7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Không quá 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Trung tâm y tế thị xã Nghi Sơn chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm y tế thị xã Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX_{sln}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục

DANH MỤC GÓI THẦU: MUA VẮC XIN DỊCH VỤ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ NGHI SƠN NĂM 2023-2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
1	Biên độc tổ bạch hầu; Biên độc tổ uốn ván; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tổ ho gà (PT) và ngưng kết tổ hồng cầu dạng sợi (FHA) và Pertactin (PRN); Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (HBV); Vi rút bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney); Vi rút bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1); Vi rút bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett); Polysaccharide của Haemophilus influenza týp B cộng hợp với giải độc tổ uốn ván như protein chất mang (PRP-TT)	Nhóm 1	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tổ uốn ván	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	600	864.000	518.400.000
2	Giải độc tổ bạch hầu; giải độc tổ uốn ván; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tổ ho gà (PT), Ngưng kết tổ hồng cầu dạng sợi (FHA); Virus bại liệt (bất hoạt): Týp 1 (Mahoney), týp 2 (MEF-1), týp 3 (Saukett); Kháng nguyên bề mặt viêm gan B; Polysaccharide của Haemophillus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate) cộng hợp với protein uốn ván	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml: Giải độc tổ bạch hầu ≥ 20 IU; Giải độc tổ uốn ván ≥ 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tổ ho gà (PT) 25 mcg, Ngưng kết tổ hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Vi-rút bại liệt (bất hoạt): týp 1 (Mahoney) 40 DU, týp 2 (MEF-1) 8 DU, týp 3 (Saukett) 32 DU; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B 5 10 mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp B 12 mcg; (Polyribosylribitol	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	600	865.200	519.120.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
			Phosphate) cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg						
3	Chủng Rotavirus ở người sống giảm độc lực	Nhóm 1	$\geq 10^{6.0}$ CCID ₅₀ /1,5ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống/tuýp	500	700.719	350.359.500
4	Vi rút Rota sống, giảm độc lực, typ G1P8	Nhóm 4	≥ 2 triệu PFU/2ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Lọ	1.200	339.780	407.736.000
5	Vi rút sởi, vi rút quai bị, vi rút rubella sống, giảm độc lực	Nhóm 5	≥ 1.000 CCID ₅₀ ; ≥ 5.000 CCID ₅₀ ; ≥ 1.000 CCID ₅₀	Thuốc	Thuốc tiêm	Lọ	540	137.550	74.277.000
6	Vi rút sởi; Vi rút quai bị; Vi rút rubella	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml chứa: Virus sởi ≥ 1000 CCID ₅₀ ; virus quai bị ≥ 12500 CCID ₅₀ ; virus rubella ≥ 1000 CCID ₅₀	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	540	164.620	88.894.800
7	Vi rút thủy đậu sống giảm độc lực	Nhóm 2	≥ 1.400 PFU	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	370	501.000	185.370.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
8	A/Brisbane/02/2018 (H1N1) – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190); A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197); B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã); B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã)	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09-sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) 15 microgam HA; A/South Australia/34/2019 (H3N2)-sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197) 15 microgam HA; B/Washington/02/2019-sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 microgam HA; B/Phuket/3073/2013-sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 microgam HA	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	490	270.000	132.300.000
9	Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm A H1N1; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm A H3N2; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm B; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt Vi rút cúm B	Nhóm 2	Type A H1N1 - 15mcg; type A H3N2 - 15mcg; Type B - 15mcg; Type B- 15mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	490	239.925	117.563.250
10	Polysaccharide của các týp huyết thanh 1 ^{1,2} , 5 ^{1,2} , 6B ^{1,2} , 7F ^{1,2} , 9V ^{1,2} , 14 ^{1,2} , 23F ^{1,2} và của các týp huyết thanh 4 ^{1,2} , 18C ^{1,3} , 19F ^{1,4}	Nhóm 1	1mcg 3mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong	Liều/ Bơm tiêm	1.200	829.900	995.880.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
					dụng cụ tiêm				
11	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C	Nhóm 5	Mỗi 0,5ml chứa Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B 50mcg; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C 50mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	500	151.704	75.852.000
12	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết	Nhóm 4	20mcg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	150	65.940	9.891.000
13	Vắc xin tái tổ hợp phòng vi rút HPV ở người typ 6,11,16,18.	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5ml chứa 20mcg protein L1 HPV6 ; 40mcg protein L1 HPV11; 40mcg protein L1 HPV 16; 20mcg protein L1 HPV18	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	100	1.509.600	150.960.000
14	Giải độc tổ uôn ván tinh chế	Nhóm 4	0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	170	13.440	2.284.800
15	Huyết thanh kháng uôn ván	Nhóm 4	1500 IU/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	800	25.263	20.210.400
16	Kháng nguyên tinh chế từ vi rút dại chủng L.Pasteur 2061/VERO	Nhóm 5	≥ 2,5 IU / 0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	600	164.800	98.880.000
17	Virus dại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M)	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml dung dịch hoàn nguyên chứa: virus dại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M) ≥ 2,5 IU	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	600	241.595	144.957.000

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
18	Kháng thể kháng vi rút đại	Nhóm 4	1000 IU/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	50	337.050	16.852.500
Tổng gồm 18 phần (18 mặt hàng)		Tổng giá trị: 3.909.788.250 đồng <i>Bằng chữ: Ba tỷ, chín trăm lẻ chín triệu, bảy trăm tám mươi tám ngàn, hai trăm năm mươi đồng./.</i>							